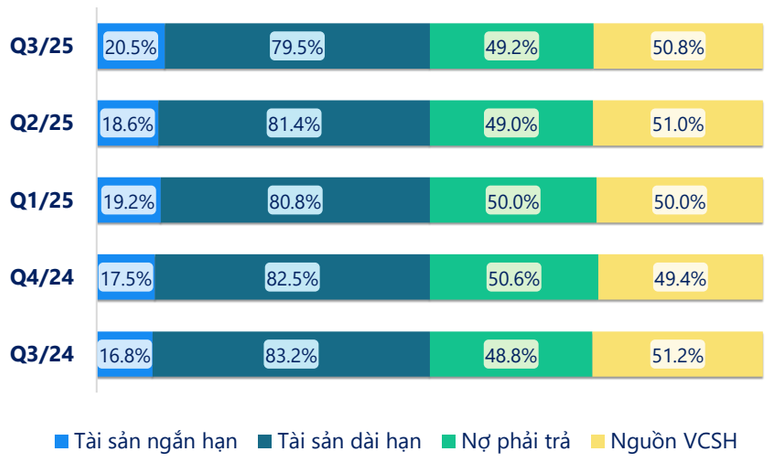
FireAnt

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,780
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,250
SL cổ phiếu LH	90,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,005
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	704
P/E	48.2
EPS	161

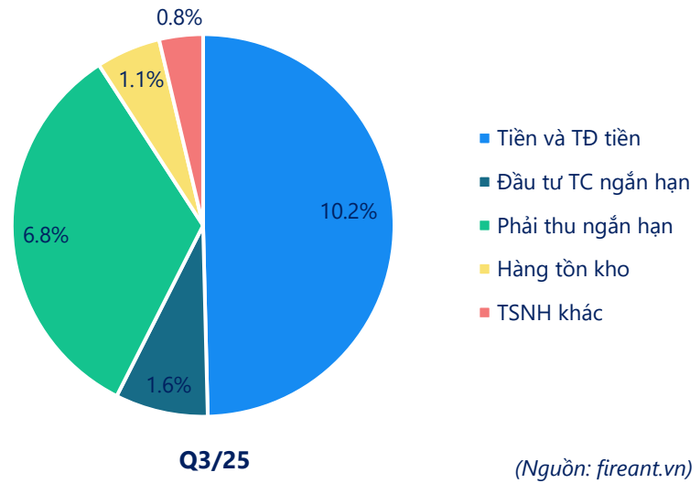
	YTD	1T	3T	6T
NVT	1.0%	-5.2%	-5.7%	1.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



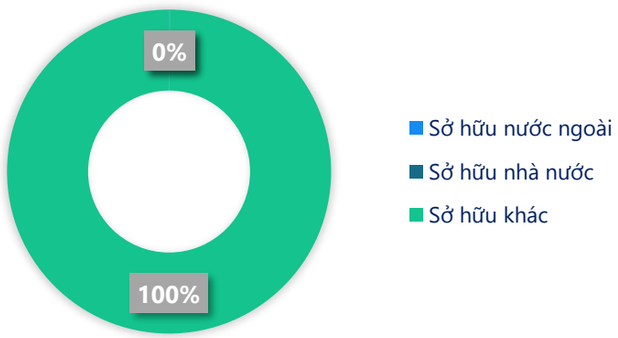
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



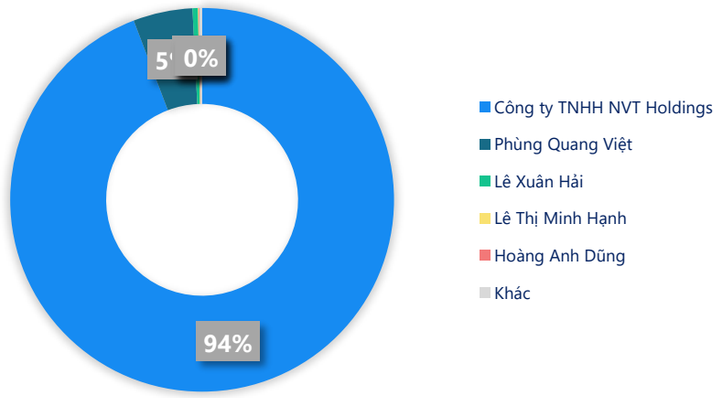
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



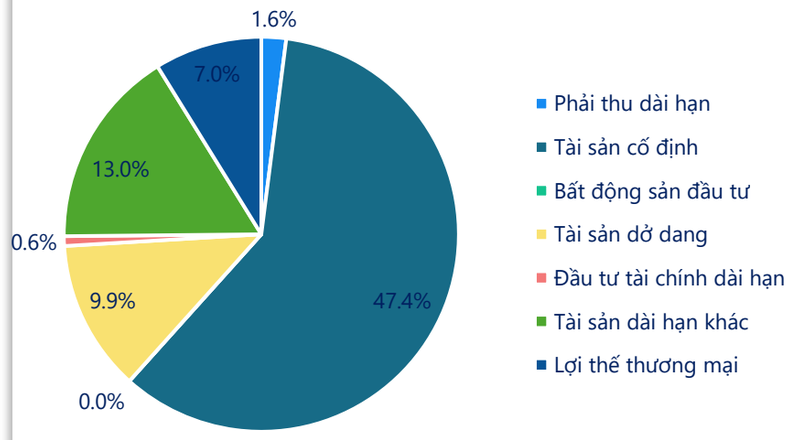
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

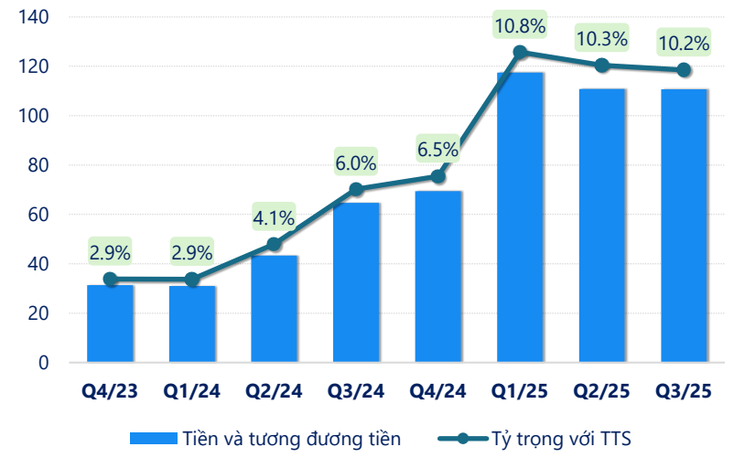


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

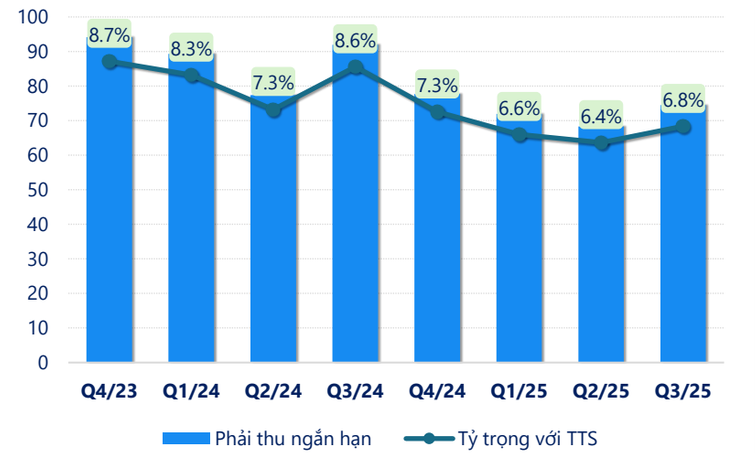
CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

Tiền và tương đương tiền



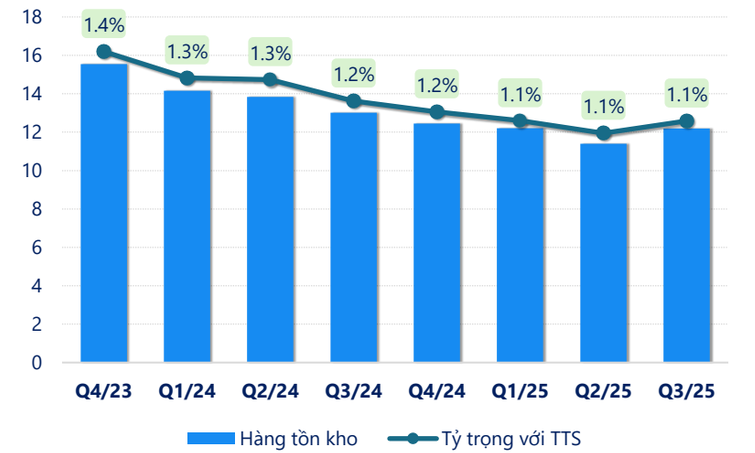
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



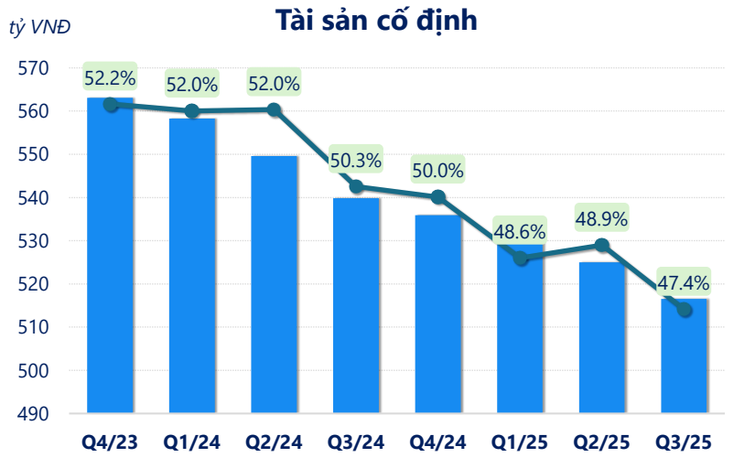
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



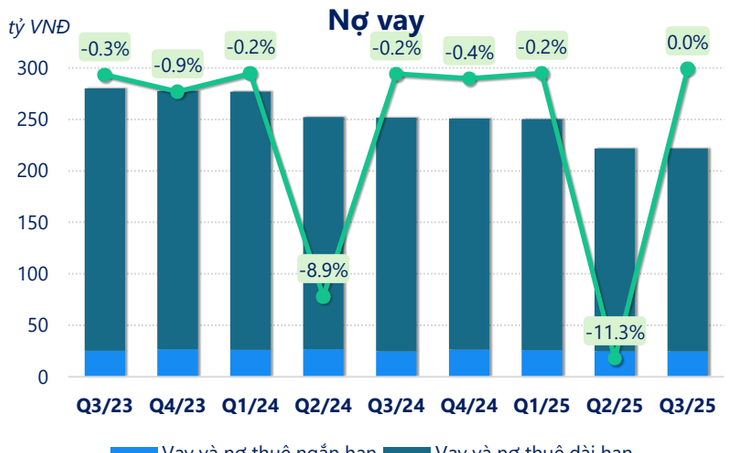
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



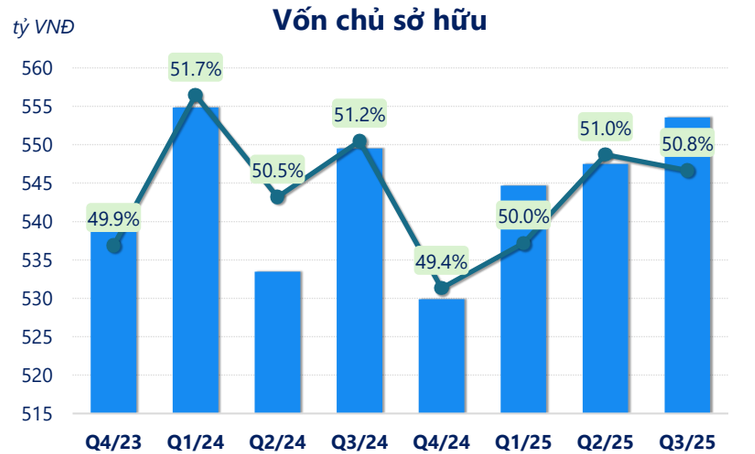
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

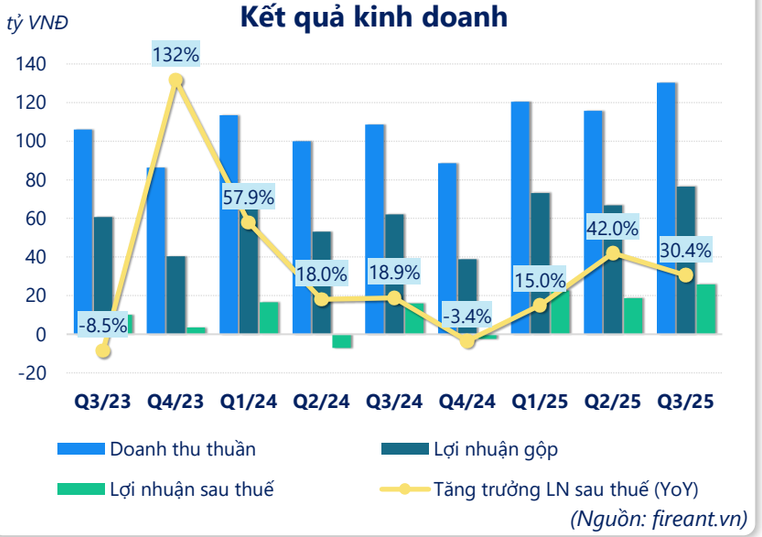
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

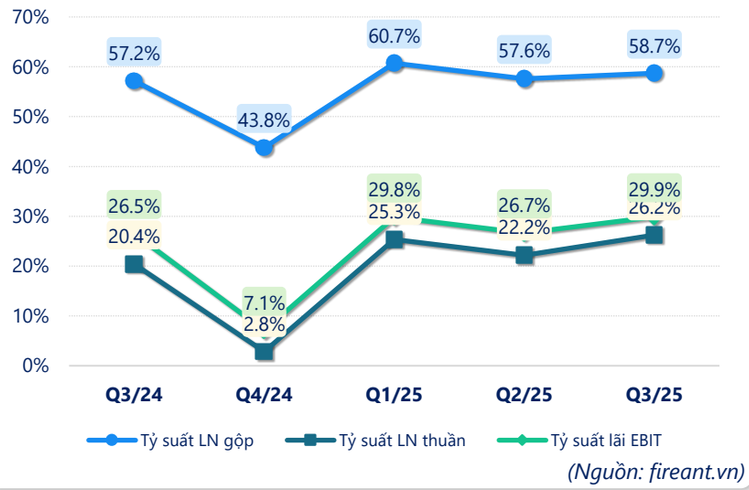
CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

Kết quả kinh doanh



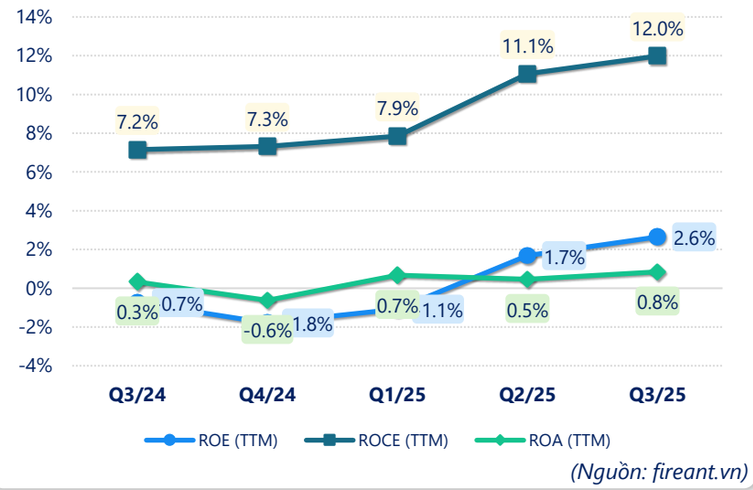
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



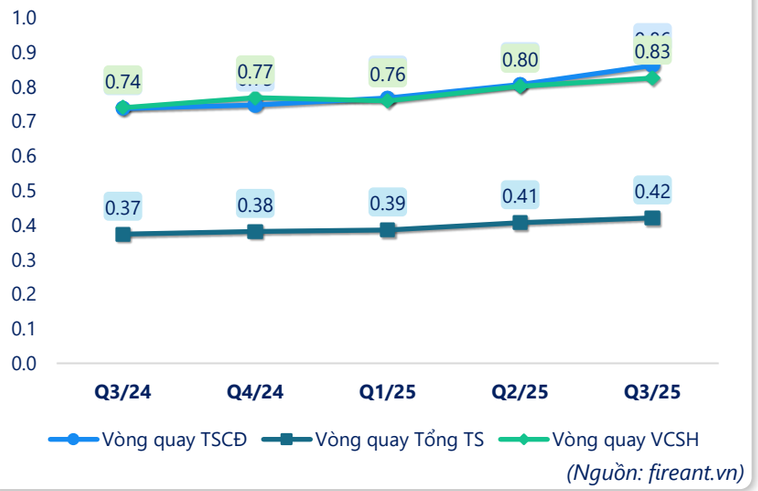
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



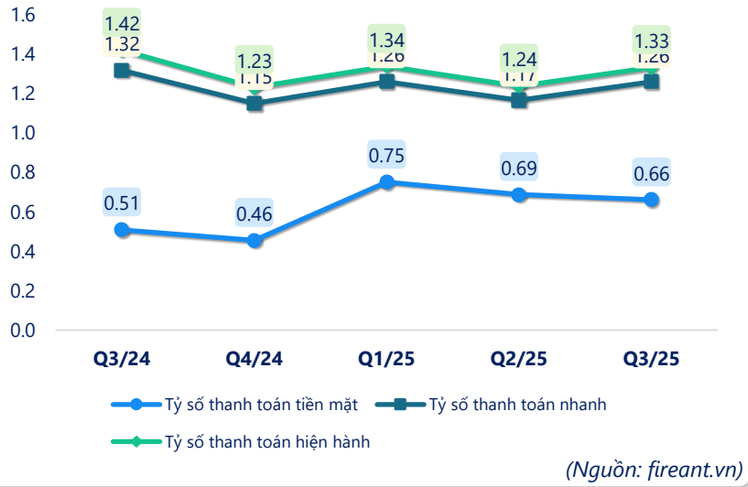
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



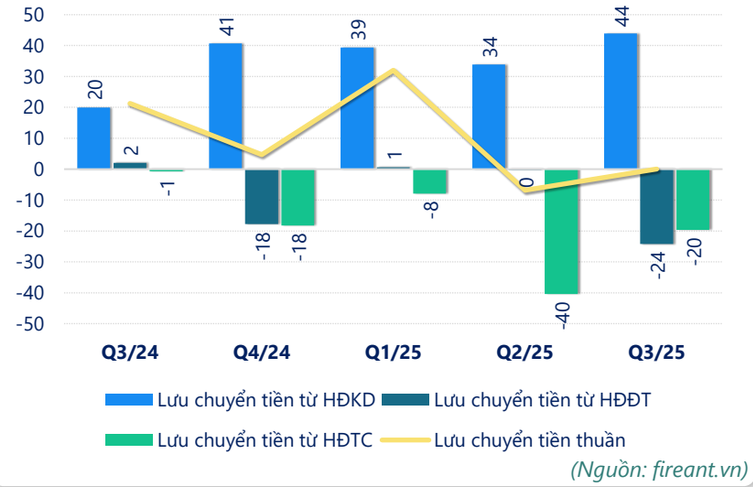
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,089**	**1,072**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	223	181	23.5%
Tiền và tương đương tiền	111	85.4	29.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	4.50	289%
Phải thu ngắn hạn	74.5	70.7	5.4%
Hàng tồn kho	12.2	12.4	-2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.26	7.62	8.4%
Tài sản dài hạn	**866**	**891**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	17.5	17.5	0.0%
Tài sản cố định	517	536	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	107	99.9	7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.89	6.89	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**142**	**144**	**-1.8%**
Lợi thế thương mại	76.3	86.5	-11.8%
Nợ phải trả	536	542	-1.1%
Nợ ngắn hạn	**167**	**153**	**9.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	26.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.8	45.1	28.3%
Nợ dài hạn	368	389	-5.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	224	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**554**	**530**	**4.5%**
Vốn chủ sở hữu	**554**	**530**	**4.5%**
Vốn điều lệ	905	905	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	109	88.6	120	116	130
Giá vốn hàng bán	46.5	49.8	47.3	49.1	53.8
Lợi nhuận gộp	62.1	38.8	73.1	66.7	76.5
Doanh thu HĐTC	1.65	1.83	2.67	3.31	2.93
Chi phí TC	5.78	6.74	6.45	5.65	5.10
Chi phí lãi vay	6.45	5.56	5.50	5.07	4.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.7	11.6	16.1	15.3	15.7
Chi phí QLDN	23.1	19.8	22.8	23.4	24.4
LN thuần từ HĐKD	22.2	2.52	30.5	25.7	34.2
Lợi nhuận khác	0.17	-1.79	-0.08	0.11	-0.02
LN trước thuế	22.3	0.73	30.4	25.8	34.2
Lợi nhuận sau thuế	16.0	-2.38	22.5	18.7	25.7
LNST của CĐ cty mẹ	3.65	-6.69	7.23	4.90	9.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.9	40.7	39.4	33.8	43.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.03	-17.8	0.61	-0.23	-24.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.68	-18.2	-7.96	-40.4	-19.7
Tiền đầu kỳ	43.4	64.7	85.4	117	111
Lưu chuyển tiền thuần	**21.3**	**4.70**	**32.0**	**-6.82**	**0.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.13	-0.13
Tiền cuối kỳ	64.7	69.4	117	111	111

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic